

Bản án số: 495/2026/DS-ST

Ngày: 18/03/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Bình
2. Bà Phạm Thị Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Chinh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Sang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1595/2025/DSST ngày 19 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V-Bank); Trụ sở: * HL, phường Đ (phường HL, quận Đ cũ), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Trung N hoặc ông Võ Thành L; Cùng địa chỉ: Tầng *, Tòa nhà A, Số * TC, phường CB, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 31249/2025/UQ-VPB ngày 20/11/2025) – Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Huyền T; sinh năm: 1992, CMND số 02468**** cấp ngày 12/6/2014, Địa chỉ: ** DD, phường HST (Phường *, quận BT cũ), Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Võ Thành L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/11/2020, bà Đỗ Thị Huyền T có ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử

số : 377-P-9374540 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và đã được Ngân hàng cấp thẻ với hạn mức là 196.000.000 đồng, ngày mở thẻ : 26/11/2020; Mục đích sử dụng tiền vay: vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 99.918187 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 12/02/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Tính đến ngày 18/03/2026, bà T còn nợ tổng số tiền 312.149.225 đồng, trong đó: Nợ gốc: 183.755.756 đồng; Nợ lãi: 124.920.178 đồng, nợ phí : 3.473.291 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán tiền gốc và lãi, yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Buộc bà T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 19/03/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn Bà Đỗ Thị Huyền T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và về thẩm quyền : quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh của Công an phường HST, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Đỗ Thị Huyền T, sinh năm 1992, có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ: ** DD, phường HST (trước đây là Phường *, quận BT), Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà T có nơi cư trú tại phường HST, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt khi xét xử. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý đồng thời triệu tập bị đơn, đến tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa nhưng các đương sự nêu trên đều vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo

quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 ; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng V-Bank giữa ngân hàng và bà T ký ngày 24/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

Căn cứ hợp đồng giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có cơ sở xác định bà T được ngân hàng cấp thẻ tín dụng với thời hạn vay và lãi suất như đại diện nguyên đơn trình bày. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo các thông báo giao dịch hàng tháng, thuộc trường hợp Ngân hàng được quyền chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển nợ quá hạn. Nhận thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 18/03/2026, bà T còn nợ tổng số tiền 312.149.225 đồng, trong đó: Nợ gốc: 183.755.756 đồng; Nợ lãi: 124.920.178 đồng, nợ phí : 3.473.291 đồng.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 312.149.225 đồng và tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 19/03/2026 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng V-Bank là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 4 Điều 207; Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Buộc bà Đỗ Thị Huyền T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/03/2026 tổng số tiền 312.149.225 (Ba trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó: Nợ gốc: 183.755.756 đồng; Nợ lãi: 124.920.178 đồng, nợ phí : 3.473.291 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số : 377- P-9374540 giữa ngân hàng và bà T ký ngày 24/11/2020 và bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ.

Bà Đỗ Thị Huyền T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/03/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số : 377- P-9374540 giữa ngân hàng và bà T ký ngày 24/11/2020 và bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Huyền T phải chịu 15.607.461 (Mười lăm triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm sáu mươi một) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 6.958.476 (Sáu triệu chín trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0045344 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND KV4 - TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thu Hiền